TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 104/2018/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 12 tháng 07 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2018/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Minh P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 07 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 07 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Minh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh P được trực

tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 2 con chung là các cháu Lê Thị Sao B, sinh ngày 31/5/2008 và Lê Thị Thủy T, sinh ngày 4/12/2009 hiện nay đang ở với anh P từ khi anh P và chị H sống ly thân từ năm 2013.

Chị H phải cấp dưỡng nuôi 01 con chung cùng với anh P là cháu Lê Thị Thủy T mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí :

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H nhận nộp cả theo quy định của Pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng: Chị H phải chịu là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000778 ngày 03/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

HÀ MINH LỰC